

Bản án số: **10** /2023/HS-ST
Ngày 09 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm, bà Nguyễn Thị Kim Thanh, ông Giàng A Ngải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Hà, ông Trần Thành Đô - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 7, 8, 9 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1978 tại tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 6, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Xóm Bình Sơn, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Việt Phát chi nhánh tại Tuyên Quang; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; có chồng Hoàng Văn H, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có 01 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Đào Trọng H1, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1986 tại tỉnh Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Xóm Ấp Chè, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;

Nghề nghiệp: Giám đốc Chi nhánh Công ty Việt Phát tại Tuyên Quang; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Trọng T, sinh năm 1952 và con bà Lê Thị H, sinh năm 1962; có vợ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1983 (đã ly hôn); Ngô Thị V, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

3. Hoàng Lâm T, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1990 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 1105 - Tòa Etaric, đường Đỗ Đức Dục, tổ 8, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

Chỗ ở hiện nay: Số 12, ngách 14, ngõ 106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quốc T, sinh năm 1964 và bà Cao Thị T, sinh năm 1965; có vợ Đàm Thị Q, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Phan Thị Hồng O, sinh năm 1991 và có 01 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 25/11/2022 bị Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 608/QĐ-XPHC về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 750.000 đồng, bị cáo chấp hành xong ngày 14/12/2020;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:* Ông Lê Quý Thành và bà Trần Thị Kim Oanh - Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang;

Địa chỉ: Số 52, tổ 12, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Trọng H1:*

1. Ông Vũ Văn Ôn - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Quốc Cường, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; có mặt;

Địa chỉ: Khu dân cư Lý Thái Tổ, tổ 17, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Nguyễn Mạnh Thuật, ông Bùi Văn Đức - Luật sư Công ty Luật hợp danh Đông Nam Á, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 76 Cù Chính Lan, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Lâm T:* Ông Hoàng Minh Thụy - Luật sư Văn phòng Luật sư Phùng Thanh Văn, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang;

Địa chỉ: Số 03, tổ 15, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Lý Văn V, sinh năm 1997; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đồng Chằm, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Khổng Văn Q, sinh năm 1989; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ 8, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Lương Văn H3, sinh năm 1994; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn 9, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Lý Xuân T2, sinh năm 1998; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

5. Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1995; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Phiêng Mỡ, xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

6. Bà Chu Thị N, sinh năm 1974; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đồng Chằm, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

7. Chị Quan Thị H, sinh năm 1996; vắng mặt;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Nặm Chá, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở: Thôn Bản Luông, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

8. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Làng Chùa, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

9. Chị Phượng Thị L, sinh năm 1992; vắng mặt;

Nơi ĐKKHKT: Đội 1, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Ao Vè, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

10. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nà Khà, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

11. Chị Ma Thị A, sinh năm 1995; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Tân Lập, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

12. Ông Quan Văn C, sinh năm 1970; vắng mặt;
Nơi cư trú: Thôn Phiêng Luông, xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
13. Anh Ngàn Xuân B, sinh năm 1998; vắng mặt;
Nơi cư trú: Thôn Ninh Tân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
14. Anh Hoàng Thông C, sinh năm 1994; vắng mặt;
Nơi cư trú: Thôn Bản Dạ, xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
15. Anh Hoàng Đức H, sinh năm 2000; có mặt;
Nơi cư trú: Tổ dân phố Nặm Đíp, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
16. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn 1 An Thạch, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
17. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; vắng mặt;
Nơi cư trú: Tổ dân phố Đon Bả, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
18. Chị Châu Thị H, sinh năm 1995; vắng mặt;
Nơi cư trú: Tổ dân phố bản Khiển, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
19. Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1993; vắng mặt;
Nơi cư trú: Tổ dân phố Bản Kè, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
20. Anh Quan Văn Q, sinh năm 1988; vắng mặt;
Nơi ĐKKHKT: Thôn Bản Táng, xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
Chỗ ở: Tổ dân phố Làng Chùa, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
21. Anh Nguyễn Ngọc Thuyết, sinh năm 1994; vắng mặt;
Nơi ĐKKHKT: Thôn Nặm Chá, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;
Chỗ ở hiện nay: Thôn Bản Luông, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.
22. Anh Vũ Việt D1, sinh năm 1995; vắng mặt;
Nơi cư trú: Tổ 6, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
23. Anh Hà Văn M, sinh năm 1998; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn Đán Khao, xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
24. Anh Ôn Văn C, sinh năm 1988; vắng mặt;
Nơi cư trú: Thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

25. Anh Ma Tuấn T3, sinh năm 1992; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Bình Minh, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

26. Chị Đặng Thị T4, sinh năm 1995; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Khuân Tâm, xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

27. Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1998; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Yên Quang, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

28. Bà Trần Thị T5, sinh năm 1949; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

29. Anh Lăng Văn N, sinh năm 1998; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Thái Sơn Đông, xã Đại Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

30. Bà Trịnh Thị X, sinh năm 1977; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đàm Thị Q1, sinh năm 1986; vắng mặt;

Nơi cư trú: Đội 6 - Gia Lộc, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Hoàng Hoài N, sinh năm 1981; vắng mặt;

Nơi cư trú: Số 695, đường Nguyễn Công Trứ, phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Bà Phạm Mai H3, sinh năm 1986; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ 10, phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Ông Tống Ngọc K, sinh năm 1958; vắng mặt;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Cổ Loan Trung 2, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

5. Ông Lê Văn H4, sinh năm 1959; vắng mặt;

Nơi cư trú: Số 10-TT37 Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

6. Ông Nguyễn Văn D3, sinh năm 1962; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Lương Vượng, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

7. Anh Nguyễn Văn K2, sinh năm 1999; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn 1 An Thạch, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

8. Ông Hoàng Trung T6, sinh năm 1969; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nậm Díp, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

9. Anh Vũ Đức T7, sinh năm 1994; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

10. Bà Phạm Thị T8, sinh năm 1972; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Thái Sơn Đông, xã Đại Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

11. Anh Trần Quyết T9, sinh năm 2001; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang.

12. Bà Cao Thị T10, sinh năm 1965; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Trung Tâm, xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

13. Ông Đào Trọng T11, sinh năm 1952; có mặt;

Nơi cư trú: Xóm Ấp Chè, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị S, sinh năm 1979; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Yên Mỹ 1, Hoàng Khai, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Lương Văn H, sinh năm 1986; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Phụng H, xã Diềm Mạc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1984; vắng mặt;

Nơi ĐKKHTT: Thôn Nong Nia, xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993; vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm 2, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Phát triển nhân lực Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang (*viết tắt là Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang*), địa chỉ tại số nhà 265, đường Phạm Văn Đồng, tổ 4, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang được thành lập, đăng ký lần đầu năm 2015, theo ủy quyền của Công ty cổ phần Phát triển nhân lực Việt Phát (*viết tắt là Công ty Việt Phát*), trụ sở tại số 695, Nguyễn Công Trứ, phố Bích Sơn, phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Theo đó, Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang có chức năng thực hiện các hoạt động tư vấn du học, tư vấn giáo dục Nhật Bản; dạy ngoại ngữ, dạy kỹ năng đàm thoại và hoạt động tư vấn đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Công ty Việt Phát không giao, không ủy quyền cho Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang thực hiện tư vấn xuất khẩu lao động (XKLĐ), không được ký hợp đồng, thu tiền của khách hàng; không được triển khai chương trình tư vấn du học các nước khác ngoài Nhật

bản; nếu có người đăng ký thì phải chuyển hồ sơ về cho Công ty Việt Phát để hoàn thiện, bố trí xuất cảnh và thu tài chính; mỗi học sinh đi du học tại Nhật Bản, Công ty Việt Phát sẽ trích lại một phần hoa hồng cho Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang. Ngoài ra, Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang không được giao thực hiện việc ký hợp đồng, thỏa thuận với cá nhân, tổ chức nào có chức năng đưa người đi lao động ở nước ngoài.

Ngày 19/10/2016, Đào Trọng H1 (sinh năm 1986, trú tại xóm Ấp Chè, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) được Giám đốc Công ty Việt Phát bổ nhiệm làm Giám đốc và phân công Nguyễn Thị H (sinh năm 1978, trú tại tổ 8, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang), làm nhân viên kinh doanh của Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang; H được H1 giao nhiệm vụ quản lý các hoạt động thu, chi tài chính của Công ty. Giữa năm 2017, ông Hoàng Hoài N, Giám đốc Công ty Việt Phát gửi cho H1 một bộ hồ sơ pháp lý về việc Công ty Việt Phát được cấp phép tư vấn XKLD và du học tại Nhật Bản để H1 tìm hiểu, nhưng không ủy quyền cho Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang được tư vấn XKLD ở Nhật Bản.

Khoảng đầu năm 2018, bạn của H là Đàm Thị Q1 (sinh năm 1986, trú tại khu Gia Lộc, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) và chồng là Hoàng Lâm T (sinh năm 1990, trú tại số nhà 1105 - Tòa nhà Etaric, đường Đỗ Đức Dục, tổ 8, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) lên Tuyên Quang chơi (hiện nay T và H đã ly hôn). Tại đây, Q1 và T đã giới thiệu cho H và H1 biết về “Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản - IM JAPAN”, do Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội tổ chức, với mức chi phí thấp (người đăng ký tham gia, ban đầu không phải đóng phí, chỉ sau khi thi đỗ đầu vào và học tiếng Nhật thì mới phải đóng tiền học phí, tiền ký túc xá khoảng 13.000.000 đồng); người tham gia không được qua khâu trung gian. Nhưng nếu H1 và H tư vấn, tìm được người tham gia Chương trình thì Q1, T sẽ hướng dẫn cách làm bài thi đầu vào; đồng thời gợi ý cho H1, H một số nội dung gian dối, không đúng thực tế đi tư vấn và thu tiền của người dân đăng ký tham gia chương trình, với mức cao hơn từ 04 đến 07 lần so với quy định để cùng nhau chiếm đoạt (người đăng ký không thuộc diện ưu tiên thu 90.000.000 đồng, thuộc diện ưu tiên như hộ nghèo, gia đình chính sách... thu 55.000.000 đồng). Thỏa thuận khi thu được tiền, H1 và H phải chuyển cho Q1 và T tiền công hướng dẫn thi đầu vào, đối với người không thuộc diện ưu tiên là 40.000.000 đồng/người, người thuộc diện ưu tiên là 30.000.000 đồng/người; nếu người đăng ký thi đỗ thì H1 và H phải chi tiền cho người thi đỗ để nộp học phí học tiếng Nhật và ở ký túc xá theo quy định; những người thi 03 lần không đỗ thì Q1 và T trả lại tiền. H1 và H đã nhất trí với các nội dung thỏa thuận này.

Sau khi tìm hiểu, H1 biết cần phải có văn bản đồng ý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang thì mới được tư vấn XKLD trên địa bàn

tỉnh; ngày 23/7/2018, H1 làm Văn bản số 01/CV-TC, kèm theo hồ sơ của Công ty Việt Phát đến Sở Lao động, Thương binh và Xã hội gặp ông Lê Văn H4, Phó Giám đốc (ông H4 sinh năm 1959, hiện đã nghỉ hưu, trú tại số nhà 10, TT 37, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) để xin văn bản cho phép Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang thực hiện việc tư vấn XKLD trên địa bàn tỉnh. Ông H4 đã giao cho ông Nguyễn Văn D3, Trưởng phòng Lao động việc làm (ông D3 sinh năm 1962, hiện đã nghỉ hưu, trú tại thôn 3, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang) thẩm định hồ sơ. Quá trình thẩm định, ông D3 thấy không có văn bản ủy quyền của Công ty Việt Phát cho Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang thực hiện hoạt động tư vấn XKLD, nên chưa đủ điều kiện và báo cáo việc này với ông H4. Vì mong muốn sớm hoàn thành kế hoạch công tác XKLD được UBND tỉnh giao, ông H4 đã chỉ đạo ông D3 soạn thảo để ký ban hành Văn bản số 922/SLĐTBXH-LĐVL ngày 23/7/2018 (*viết tắt là Văn bản số 922*), với nội dung đồng ý để Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang được tư vấn, tuyển lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đi làm việc ở Nhật Bản; đề nghị UBND các huyện, thành phố phối hợp, hỗ trợ Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang thực hiện hoạt động tư vấn, tuyển người lao động đi làm việc tại Nhật Bản...

Sau khi nhận được Văn bản số 922, H1 và H đã tiến hành tổ chức tư vấn về Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản tại nhiều xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, nội dung tư vấn gồm: Đây là chương trình do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức, phí dịch vụ là 90.000.000 đồng/người, đối với người thuộc diện gia đình chính sách, hộ nghèo, dân tộc ít người sống trong vùng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn mức thu là 55.000.000 đồng/người; thời gian thực tập là 03 năm, lương mỗi tháng từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; hết thời gian thực tập, người lao động sẽ được hoàn trả bảo hiểm khoảng 80.000.000 đồng và hỗ trợ khởi nghiệp khoảng 120.000.00 đồng. Điều kiện để tham gia chương trình là phải trong độ tuổi từ 20 đến 30 tuổi, có sức khỏe tốt, không có hình xăm, phải có bằng tốt nghiệp THPT; người đăng ký phải thi đầu vào, kỳ thi đầu vào rất khó nhưng Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang bảo đảm cho người tham gia thi đỗ, nếu không thi đỗ hoặc thi đỗ nhưng không đi XKLD được, Công ty sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Từ đầu tháng 8/2018, có nhiều người đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản mà H1 và H đã tư vấn. H gọi điện cho Q1 để làm hồ sơ, nhưng do chuẩn bị sinh con nên Q1 từ chối tham gia và H đã gọi cho T để trao đổi việc làm hồ sơ, T đồng ý và thoả thuận “Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản là do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức, được miễn phí dịch vụ, anh chị thu thế nào thì thu, em chỉ biết lấy 40.000.000 đồng/người”. Sau đó, H1 và H đã nhận hồ sơ, thu tiền của những người đăng ký và chuyển cho T số tiền như thoả thuận (việc thu, chuyển tiền H1 giao cho H thực hiện); khi nào H đi vắng hoặc bận việc thì H nhờ chị Phạm Mai H3 (nhân viên trực văn phòng của Công ty từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2019) thu

tiền hộ, sau đó nộp vào tài khoản của H và soạn thảo hợp đồng giữa Công ty với người đăng ký tham gia chương trình (chị H3 thực hiện các nhiệm vụ này theo chỉ đạo, hướng dẫn của H1 và H). Đối với những người đăng ký chương trình này, nhưng không đủ điều kiện về sức khỏe, thì H1 và H tư vấn đi theo các chương trình khác, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2018, lợi dụng Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, với chi phí dịch vụ thấp và mặc dù không được qua công ty trung gian môi giới, nhưng H, H1 và T vẫn câu kết lấy danh nghĩa Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang, đưa ra thông tin gian dối để tư vấn, thu tiền của 13 người dân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu đăng ký tham gia chương trình trên và chiếm đoạt tiền của người dân, cụ thể:

(1) Ngày 04/5/2018, anh Lý Văn V (trú tại tổ dân phố Đồng Chằm, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình. H lập pH1 thu của anh V 90.000.000 đồng; H và H1 lấy 50.000.000 đồng, chuyển cho T 40.000.000 đồng. Sau đó, anh V tự thi đỗ, nên H đưa lại cho anh V 13.000.000 đồng để nộp học phí và ký túc xá theo quy định. Anh V theo học được một thời gian thì không tham gia và yêu cầu H1, H trả lại tiền (T đã chuyển lại cho H 17.000.000 đồng để trả cho anh V, nhưng H và H1 không trả mà chiếm đoạt hết). Ngày 10/11/2021, anh V có đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra.

(2) Đầu tháng 5/2018, bà Chu Thị N (trú tại tổ dân phố Đồng Chằm, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn) được H1 tư vấn về chương trình; bà N đã đăng ký cho con gái là chị Lý Thị Đoàn tham gia và nộp cho H 90.000.000 đồng; H và H1 lấy 60.000.000 đồng, chuyển cho T 30.000.000 đồng. Tháng 10/2018, chị Đoàn bị phát hiện là đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi đầu vào. Cuối năm 2018, bà N yêu cầu H1, H trả lại tiền và H đã trả cho bà N toàn bộ số tiền nộp trên.

(3) Tháng 6/2018, anh Lương Văn H3 (trú tại thôn 9, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang và được H tư vấn về chương trình; anh H3 đăng ký, nộp cho H 90.000.000 đồng. H và H1 lấy 50.000.000 đồng, chuyển cho T 40.000.000 đồng. Khi anh H3 tự thi đỗ, H đưa lại cho anh H3 13.000.000 đồng để nộp học phí, ký túc xá theo quy định. Sau khi về nước, biết chương trình này không mất phí, anh H3 đã yêu cầu H1 và H trả lại số tiền chiếm đoạt trên.

(4) Đầu tháng 7/2018, anh Khổng Văn Q (trú tại tổ 8, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang tìm hiểu về XKLD cho em trai là anh Khổng Văn Chung (trú tại xã Yên Phú, huyện Hàm Yên) và được H1 tư vấn về chương trình. Ngày 11/7/2018, anh Quang đến đăng ký

cho Chung và nộp cho H 90.000.000 đồng; H và H1 lấy 50.000.000 đồng, chuyển cho T 40.000.000 đồng. Sau khi anh Chung tự thi đổ, H đưa lại cho anh Chung 13.000.000 đồng để nộp học phí, ký túc xá theo quy định. Hiện anh Chung đang làm việc tại Nhật Bản; do biết chương trình không mất phí dịch vụ, nên anh Q đã yêu cầu H và H1 trả lại 77.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả.

(5) Cuối tháng 7/2018, ông Quan Văn C (trú tại thôn Phiêng Luông, xã Bình An, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký cho con gái là chị Quan Thị Liễu tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng; H và H1 lấy 25.000.000 đồng, chuyển cho T 30.000.000 đồng. Khi chị Liễu đi thi đầu vào thì bị phát hiện đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi. Cuối năm 2018, H đã trả lại cho ông C toàn bộ số tiền trên.

(6) Khoảng cuối tháng 7, đầu tháng 8/2018, anh Triệu Văn Q (trú tại thôn Phiêng Mơ, xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình) được H1 tư vấn về chương trình. Anh Q đã nộp cho H 42.000.000 đồng (còn tiền học phí, tiền ký túc xá anh Q tự nộp); H và H1 lấy 17.000.000 đồng, chuyển cho T 25.000.000 đồng. Sau đó, anh Q tự thi đổ và đi XKLĐ tại Nhật Bản, đến tháng 5/2022 về nước, nhưng anh Q không yêu cầu H1 và H phải trả lại số tiền đã nộp trên.

(7) Đầu tháng 8/2018, chị Quan Thị H (trú tại tổ dân phố Năm Chá, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng; H và H1 lấy 25.000.000 đồng, chuyển cho T 30.000.000 đồng. Tháng 10/2018, chị H đi thi thì bị phát hiện đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi. Sau đó, chị H yêu cầu H trả lại tiền; cuối tháng 11/2018, H đã trả cho chị H toàn bộ số tiền nộp trên.

(8) Đầu tháng 8/2018, chị Nguyễn Thị K (trú tại tổ dân phố Làng Chùa, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng; H và H1 lấy 25.000.000 đồng, chuyển cho T 30.000.000 đồng. Tháng 10/2018, chị K bị phát hiện đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi và nên yêu cầu H1, H trả lại tiền; cuối tháng 11/2018, H trả cho chị K toàn bộ số tiền đã nộp.

(9) Đầu tháng 8/2018, chị Phượng Thị Lanh (trú tại Đội 1, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng; H và H1 lấy 25.000.000 đồng, chuyển cho T 30.000.000 đồng. Tháng 10/2018, chị L bị phát hiện đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi và yêu cầu H trả lại tiền; cuối năm 2018, H trả cho chị L toàn bộ số tiền đã nộp.

(10) Đầu tháng 8/2018, chị Nguyễn Thị T (trú tại tổ dân phố Nà Khà, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 15.000.000 đồng. Sau đó, H bỏ thêm tiền của mình ra để chuyển cho T 30.000.000 đồng như thỏa thuận. Tháng 10/2018, chị

T bị phát đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi và yêu cầu H trả lại tiền; tháng 11/2018, H đã lấy tiền của mình trả cho chị T 15.000.000 đồng.

(11) Đầu tháng 8/2018, chị Ma Thị A (trú tại thôn Tân Lập, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng. H và H1 lấy 25.000.000 đồng, chuyển cho T 30.000.000 đồng. Sau đó, chị A bị phát hiện đã làm thủ tục qua công ty môi giới, nên không được thi và yêu cầu H trả lại tiền; tháng 11/2018, H trả cho chị A 48.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng H nói đã chi cho chị A học ôn, đi thi nên chị A không yêu cầu trả lại số tiền này.

(12) Tháng 9/2018, anh Ngàn Xuân B (trú tại thôn Ninh Tân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương) đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 90.000.000 đồng; H và H1 lấy 75.000.000 đồng, chuyển cho T 15.000.000 đồng. Sau đó, anh Bảo thi không đỗ và yêu cầu trả lại tiền; cuối năm 2018, H trả cho anh Bảo toàn bộ số tiền đã nộp trên.

(13) Ngày 09/10/2018, anh Lý Xuân T2 (trú tại thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng; H và H1 lấy 40.000.000 đồng, chuyển cho T 15.000.000 đồng. Sau đó, do sức khỏe yếu nên anh T2 không được tham gia chương trình và đã nhiều lần yêu cầu, nhưng đến nay H và H1 chưa trả lại cho anh T2 số tiền đã nộp.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 và Hoàng Lâm T đã thu của 13 người trên là 837.000.000 đồng, trong đó H đưa lại 39.000.000 đồng cho 03 người tự thi đỗ đầu vào để nộp học phí, ký túc xá theo quy định (gồm các anh Lý Văn V, Không Văn Chung, Lương Văn H3, mỗi người 13.000.000 đồng). Số tiền còn lại xác định các bị cáo đã chiếm đoạt là **798.000.000 đồng** (H và H1 chiếm đoạt 413.000.000 đồng; T chiếm đoạt 385.000.000 đồng).

Trong số 13 người, chỉ có các anh Triệu Văn Q, Lương Văn H3, Không Văn Chung tự thi đỗ đầu vào và tham gia chương trình tại Nhật Bản. Còn lại 10 người không tham gia chương trình, trong đó anh Lý Văn V tự thi đỗ đầu vào nhưng không tham gia; các chị Lý Thị Đoàn, Quan Thị Liễu, Quan Thị H, Nguyễn Thị K, Phượng Thị Lanh, Nguyễn Thị T, Ma Thị A bị đơn vị tổ chức phát hiện đã thông qua công ty môi giới, nên không được thi đầu vào; anh Lý Xuân T2 không đủ điều kiện về sức khỏe; anh Ngàn Xuân B không thi đỗ đầu vào.

Ngoài anh Triệu Văn Q không yêu cầu H và H1 trả lại 42.000.000 đồng, 12 người còn lại đều yêu cầu H và H1 trả lại tiền đã nộp. Sau đó, H trả cho 08 người số tiền là 470.000.000 đồng (bao gồm 260.000.000 đồng H, H1 chiếm đoạt và 210.000.000 đồng T chiếm đoạt), trong đó trả cho chị Lý Thị Đoàn 90.000.000 đồng, Quan Thị Liễu 55.000.000 đồng, Quan Thị H 55.000.000 đồng, Nguyễn Thị K 55.000.000 đồng, Phượng Thị L 55.000.000 đồng, Nguyễn Thị T 15.000.000

đồng, Ma Thị A 48.000.000 đồng (còn 7.000.000 đồng chị A không yêu cầu trả) và anh Ngàn Xuân B 90.000.000 đồng.

Đến nay, còn 04/12 người tiếp tục yêu cầu H và H1 trả lại số tiền đã nộp là 286.000.000 đồng, gồm các anh Lý Văn V, Lương Văn H3, Khổng Văn Q - anh của Khổng Văn Chung, mỗi người 77.000.000 đồng và Lý Xuân T2 55.000.000 đồng (H và H1 chiếm đoạt 151.000.000 đồng; T chiếm đoạt 135.000.000 đồng).

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị H và Đào Trọng H1.

Trong quá trình câu kết với T lừa đảo chiếm đoạt tiền của người dân, H và H1 biết được cách hướng dẫn làm bài thi đầu vào cho người tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản, nên một số trường hợp H và H1 không trao đổi với T mà trực tiếp tư vấn, thu tiền, hướng dẫn và chiếm đoạt toàn bộ tiền của những người đăng ký tham gia chương trình nộp (không chuyển tiền cho T theo thỏa thuận). Ngoài ra, đối với người đăng ký tham gia chương trình, nhưng không đủ điều kiện, H và H1 đã tư vấn đi Singapore, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền số tiền đã nộp. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2019, H và H1 đã đưa ra thông tin gian dối tư vấn, hướng dẫn cho 16 người đăng ký tham gia chương trình và chiếm đoạt hết số tiền đã nộp, cụ thể:

(1) Đầu tháng 8/2018, anh Hoàng Thông C (trú tại thôn Bản Dạ, xã Bình An, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp trước cho H 16.700.000 đồng (15.000.000 đồng phí dịch vụ, 1.700.000 đồng tiền ăn). Do anh C bị bệnh viêm gan B, nên H1 và H đã tư vấn đi du học ở Singapore (vừa học vừa làm). Sau đó, anh C phát hiện bị H1, H lừa nên đã yêu cầu trả lại 15.000.000 đồng; đến nay H1 và H chưa trả tiền cho anh C.

(2) Đầu tháng 8/2018, anh Nguyễn Văn D (trú tại thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp trước cho H 15.000.000 đồng. Sau đó, anh D biết chương trình này được miễn phí dịch vụ và yêu cầu H1, H trả lại tiền. Cuối năm 2018, H trả cho anh Đạt 7.500.000 đồng; còn 7.500.000 đồng, H1 và H nói đã chi cho anh Đạt ăn ở, học tiếng Nhật, rèn luyện thể lực, nên anh Đạt không yêu cầu trả lại số tiền này.

(3) Đầu tháng 8/2018, anh Nguyễn Thế D (trú tại thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp trước cho H 15.000.000 đồng. Sau đó, anh D phát hiện bị H1, H lừa và yêu cầu trả lại tiền. Cuối năm 2018, H trả cho anh D 12.000.000 đồng; còn 3.000.000 đồng, H1 và H nói đã chi cho anh D ăn ở, học tiếng Nhật, nên anh D không yêu cầu trả lại số tiền này.

(4) Tháng 8/2018, anh Quan Văn Q (trú tại xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp cho H 55.000.000 đồng. Sau đó, anh Q tìm hiểu và biết bị H1, H lừa nên yêu cầu trả lại tiền. Cuối năm 2018, H trả cho anh Q 50.000.000 đồng; còn 5.000.000 đồng, H1 và H nói đã chi cho anh Q ăn ở, học tiếng Nhật, nên anh Q không yêu cầu trả lại số tiền này.

(5) Tháng 8/2018, chị Châu Thị H (trú tại thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp trước cho H 15.000.000 đồng. Sau đó, chị H biết chương trình này không được đi qua khâu trung gian, nên chị H không tiếp tục theo học lớp tiếng Nhật nữa và yêu cầu H1, H trả lại tiền. Cuối năm 2018, H trả cho chị H 11.000.000 đồng; còn 4.000.000 đồng H1 và H nói đã chi cho chị H ăn ở, học tiếng Nhật, nên chị H không yêu cầu trả lại số tiền này.

(6) Ngày 27/8/2018, anh Hoàng Đức H (trú tại tổ dân phố Nậm Đíp, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang tìm hiểu về chương trình. Do anh H bị bệnh viêm gan B, H1 và H tư vấn cho anh H đi du học Singapore (vừa học vừa làm) và hứa sau khi học xong sẽ có người của Công ty đưa đi làm, lương mỗi tháng khoảng 30.000.000 đồng. Anh H đã nộp cho H 127.000.000 đồng theo yêu cầu; quá trình đi học tiếng Anh, phát hiện bị H1 và H lừa, nên anh H yêu cầu trả lại tiền; đến nay H1 và H chưa trả cho anh H số tiền trên.

(7) Cuối tháng 8/2018, anh Nguyễn Ngọc T (trú tại thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký tham gia chương trình và nộp trước cho H 50.000.000 đồng. Sau đó, anh T biết chương trình này miễn phí dịch vụ, không được qua công ty môi giới, nên yêu cầu H1, H trả lại tiền. Cuối năm 2018, H trả cho anh T toàn bộ số tiền đã nộp trên.

(8) Tháng 10/2018, Anh Vũ Việt D1 (trú tại tổ 6, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang, được H1 trực tiếp tư vấn về chương trình và phải nộp phí dịch vụ là 90.000.000 đồng. Anh D đã đăng ký và nộp cho H1 và H đủ số tiền trên. Do thi 03 lần không đỗ, anh D yêu cầu trả lại tiền như thỏa thuận; H1 đã trả cho anh D 35.000.000 đồng, đến nay còn 55.000.000 đồng H1 và H chưa trả cho anh D.

(9) Tháng 10/2018, anh Hà Văn M (trú tại thôn Đán Khao, xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang tìm hiểu, được H1 tư vấn về chương trình và phải nộp phí dịch vụ là 90.000.000 đồng. Ngày 14/11/2018, anh M đăng ký tham gia và nộp cho H đủ số tiền trên. Do anh M thi không đỗ, H1 đã trả cho anh M 22.000.000 đồng; đến nay còn 68.000.000 đồng H1 và H chưa trả cho anh M.

(10) Tháng 10/2018, anh Ôn Văn C (trú tại thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương) gọi đến số điện thoại trong Tờ rơi của Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang để tìm hiểu XKLD và được H1 tư vấn về chương trình, với phí dịch vụ là 55.000.000 đồng. Đầu tháng 11/2018, anh C đến đăng ký tham gia và nộp trước 25.000.000 đồng. Do không có tiền nên anh C không tiếp tục tham gia và yêu cầu H1, H trả lại số tiền đã nộp; H mới trả cho anh C 10.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng đến nay chưa trả.

(11) Đầu năm 2019, anh Ma Tuấn T3 (trú tại thôn Bình Minh, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang và được H1 trực tiếp tư vấn về chương trình và phải nộp phí dịch vụ là 100.000.000 đồng; do anh T3 không có bằng tốt nghiệp THPT, H1 yêu cầu phải nộp thêm 5.000.000 đồng để xử lý hồ sơ. Anh T3 đã nộp cho H 105.000.000 đồng, nhưng vì không có bằng THPT nên không được dự thi và đã yêu cầu H1, H trả lại tiền. Ngày 30/7/2019, H trả cho anh T3 30.000.000 đồng, còn 75.000.000 đồng đến nay chưa trả.

(12) Tháng 01/2019, ông Nguyễn Văn C (trú tại thôn 1 An Thạch, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang đăng ký cho con trai là anh Nguyễn Văn K2 tham gia chương trình. Theo yêu cầu của H1 và H, từ ngày 15/02/2019 đến ngày 10/4/2019, ông C đã nộp cho H 90.000.000 đồng. Mặc dù anh K2 bị bệnh viêm gan B, nhưng H1 và H vẫn hứa hẹn giúp anh K2 đi Nhật Bản theo hình thức vừa học vừa làm. Sau đó, do không đưa được anh K2 đi Nhật Bản và yêu cầu của ông C, H1 và H trả cho ông C 20.000.000 đồng; còn 70.000.000 đồng đến nay chưa trả.

(13) Đầu năm 2019, chị Đặng Thị T (trú tại thôn Khuôn Tâm, xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang tìm hiểu và được H1 trực tiếp tư vấn về chương trình, với phí dịch vụ phải nộp là 100.000.000 đồng; do chị T không có bằng tốt nghiệp THPT, H1 yêu cầu phải nộp thêm 5.000.000 đồng để xử lý hồ sơ. Chị Thuỷ đã đăng ký và nộp cho H 105.000.000 đồng, nhưng qua tìm hiểu chị Thuỷ biết chương trình này không mất phí dịch vụ, không được qua môi giới và điều kiện phải có bằng tốt nghiệp THPT, nên chị T4 không đi thi và yêu cầu H1, H trả lại tiền. Ngày 31/10/2019, H trả cho chị T4 35.000.000 đồng, còn 70.000.000 đồng đến nay chưa trả.

(14) Đầu năm 2019, anh Lê Anh Đ (trú tại thôn Yên Quang, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa) được H1 tư vấn về chương trình, với phí dịch vụ phải nộp là 90.000.000 đồng; do anh Đ không có bằng tốt nghiệp THPT, H1 yêu cầu phải nộp thêm số tiền 5.000.000 đồng để xử lý hồ sơ. Anh Đ đã đăng ký và nộp đủ 95.000.000 đồng, nhưng do anh Đ bị tH1 chiêu cao nên H1 và H tư vấn cho Đức đi Nhật theo chương trình vừa học vừa làm. Sau đó, qua tìm hiểu anh Đ biết bị lừa và yêu cầu H1, H trả lại tiền; H1 trả cho anh Đ 6.000.000 đồng, tháng 9/2019, H trả cho anh Đ 74.000.000 đồng, tổng là 80.000.000 đồng, đến nay còn 15.000.000 đồng H1 và H chưa trả cho anh Đ.

(15) Tháng 6/2019, bà Trần Thị T5 (trú tại tổ 4, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang) đến gặp H1 và được tư vấn về chương trình, với phí dịch vụ phải nộp là 80.000.000 đồng. Bà T5 đã đăng ký cho cháu là Vũ Đức T7 tham gia và nộp đủ số tiền trên. Sau khi anh tự thi đỗ, H đưa lại cho anh T7 4.300.000 đồng để nộp học phí; do trên người anh T7 có sẹo xóa hình xăm nên không đủ điều kiện tham gia chương trình. Bà T5 yêu cầu trả lại 75.700.000 đồng, nhưng đến nay H1 và H chưa trả.

(16) Tháng 9/2019, anh Lăng Văn N (trú tại thôn Thái Sơn Đông, xã Đại Phú, huyện Sơn Dương) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang tìm hiểu về chương trình. Sau khi được H tư vấn, anh N đồng ý tham gia và nộp cho H 90.000.000 đồng. Anh N đã tự thi đỗ đầu vào và H đưa lại cho anh N 4.300.000 đồng để nộp tiền học phí; do không đủ điều kiện về sức khỏe tham gia chương trình, nên anh N yêu cầu trả lại 85.700.000 đồng, nhưng đến nay H1 và H chưa trả.

Tổng số tiền mà H và H1 đã thu của 16 người là 1.063.700.000 đồng, trong đó H đưa lại 8.600.000 đồng cho các anh Lăng Văn N, Vũ Đức T7 do tự thi đỗ đầu vào để đóng học phí theo quy định (mỗi người 4.300.000 đồng), chi 1.700.000 đồng tiền ăn của bị hại Hoàng Thông C. Số tiền còn lại xác định H và H1 đã cùng nhau chiếm đoạt là 1.053.400.000 đồng.

Vì các lý do không thi đỗ đầu vào, không có bằng tốt nghiệp PTTH, không đủ điều kiện về sức khỏe, tH1 chiều cao, có vết sẹo trên người..., cả 16 người trên đều không tham gia được Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản như H1 và H đã hứa hẹn khi tư vấn, nên đều yêu cầu H, H1 phải trả lại toàn bộ số tiền đã nộp. Đến nay H mới trả cho 12 người với số tiền là 382.000.000 đồng, trong đó:

- Trả cho 05 người hết số tiền đã nộp là 150.000.000 đồng (trong đó H đã trả 130.500.000 đồng và 19.500.000 đồng các bị hại không yêu cầu trả), gồm các anh chị: Nguyễn Ngọc Thuyết 50.000.000 đồng; Nguyễn Văn D 7.500.000 đồng, còn 7.500.000 đồng không yêu trả; Nguyễn Thế D 12.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng không yêu cầu trả; Quan Văn Q 50.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng không yêu cầu trả; Châu Thị H 11.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng không yêu cầu trả.

- Trả cho 07 người một phần số tiền đã nộp là 232.000.000 đồng, gồm các anh chị: Vũ Việt D1 35.000.000 đồng, còn phải trả 55.000.000 đồng; Hà Văn M 22.000.000 đồng, còn phải trả 68.000.000 đồng; Ôn Văn C 10.000.000 đồng, còn phải trả 15.000.000 đồng; Ma Tuấn T3 30.000.000 đồng, còn phải trả 75.000.000 đồng; Đặng Thị Thủy 35.000.000 đồng, còn phải trả 70.000.000 đồng; Nguyễn Văn K2 - con ông Nguyễn Văn C 20.000.000 đồng, còn phải trả 70.000.000 đồng; Lê Anh Đ 80.000.000 đồng, còn phải trả 15.000.000 đồng). Số tiền còn phải trả là 368.000.000 đồng.

Ngoài số tiền phải tiếp tục trả cho 07 người trên, đến nay còn 04/16 người bị H và H1 chiếm đoạt tiền, nhưng chưa trả được khoản nào, với số tiền là

303.400.000 đồng, gồm các anh Hoàng Thông C 15.000.000 đồng; Vũ Đức T7 - cháu bà Trần Thị T5 75.700.000 đồng; Hoàng Đức H 127.000.000 đồng; Lăng Văn N 85.700.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị H.

Khoảng tháng 7/2019, bà Trịnh Thị X (trú tại tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương) đến gặp và H đã trực tiếp tư vấn cho con trai bà là anh là Trần Quyết T9 đi du học Nhật Bản theo chương trình của Công ty Việt Phát (Ninh Bình); ngày 31/7/2019, bà X nộp hồ sơ của anh T7 cho H. Theo quy định của Công ty Việt Phát, sau khi học sinh thi đỗ chứng chỉ tiếng Nhật thì mới làm hồ sơ, xin visa, đặt vé máy bay, đóng học phí và chứng minh tài chính khoảng 60.000.000 đồng; đến khi nào phía Nhật Bản có giấy nhập học gửi về Việt Nam thì học sinh mới phải đóng tiếp tiền học phí 01 năm đầu khoảng 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, do cần tiền sử dụng cá nhân, H đã đưa ra thông tin gian dối, yêu cầu bà X phải nộp ngay các khoản tiền trên cho H. Từ ngày 31/7/2019 đến 04/10/2019, bà X đã nộp cho H tổng số tiền là 392.500.000 đồng (cả bằng tiền mặt và chuyển khoản).

Để tạo sự tin tưởng của bà X và che giấu hành vi của mình, sau khi nhận được tiền của bà X, H nộp hồ sơ của anh T7 về Công ty Việt Phát và đóng 9.050.000 đồng học phí tiếng Nhật, tiền ở ký túc xá cho anh T7; đồng thời chi 12.000.000 đồng làm dịch vụ chứng minh tài chính cho bà X. Số tiền còn lại 371.450.000 đồng, H đã chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, anh T7 thi đỗ chứng chỉ tiếng Nhật, nhưng do H không nộp tiền cho Công ty Việt Phát theo quy định nên anh T7 không được đi du học như H đã hứa hẹn. Tháng 4/2021, bà đến Xim rút hồ sơ của anh T7 và yêu cầu H trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, nhưng H không trả.

Quá trình điều tra, bà X khai đã đưa cho H tổng số tiền là 692.500.000 đồng, nhưng H chỉ ghi vào các pH1 thu số tiền là 392.500.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng không ghi, nên bà X đã tự viết thêm số tiền này vào pH1 thu. Cơ quan điều tra đã thực hiện các biện pháp điều tra, nhưng không đủ cơ sở chứng minh H nhận của bà X số tiền 692.500.000 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, xác định H đã có hành vi gian dối trong việc tư vấn, làm hồ sơ XKLD cho anh là Trần Quyết T9 (con trai bà X) và chiếm đoạt của bà X số tiền là 392.500.000 đồng.

Như vậy, xác định các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T đã câu kết, lợi dụng Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản, do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức và một số chương trình XKLD khác, đưa ra thông tin gian dối tư vấn, thu tiền và chiếm đoạt của những người dân có nhu cầu đi XKLD, trong đó:

- Nguyễn Thị H câu kết chiếm đoạt của 30 người tổng số tiền 2.243.900.000 đồng (H cùng H1, T chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1 số tiền 798.000.000

đồng; H cùng H1 chiếm đoạt của 16 người nêu tại mục 2 số tiền 1.053.400.000 đồng và H chiếm đoạt của bà Trịnh Thị X nêu tại mục 3 số tiền 392.500.000 đồng). H hưởng lợi cá nhân 1.359.377.000 đồng.

- Đào Trọng H1 câu kết chiếm đoạt của 29 bị người tổng số tiền 1.851.400.000 đồng gồm (H1 cùng H, T chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1 số tiền 798.000.000 đồng; H1 cùng H chiếm đoạt của 16 người nêu tại mục 2 số tiền 1.053.400.000 đồng). H1 hưởng lợi cá nhân 152.423.000 đồng.

- Hoàng Lâm T câu kết với H và H1 chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1, số tiền 798.000.000 đồng. T hưởng lợi cá nhân 385.000.000 đồng.

Ngoài ra, H và H1 phải chịu trách nhiệm chung về số tiền 347.100.000 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại, sau đó sử dụng chi cho hoạt động của Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang (trả lương nhân viên hợp đồng, thanh toán công tác phí, tiền điện, tiền mạng viễn thông, thuê nhà, hội trường...).

*** Kết quả giám định:**

- Tiến hành giám định mẫu dấu, chữ ký, chữ viết của các bị cáo Đào Trọng H1, Nguyễn Thị H trên 24 pH1 thu chi tiền với Ma Tuấn T3, Hoàng Đức H, Nguyễn Văn K2, Đặng Thị Thủy, Phan Văn Thọ, Nguyễn Văn C (ký hiệu từ A1 đến A24); 03 hợp đồng tư vấn (ký hiệu từ A25 đến A27) với mẫu so sánh: 02 công văn liên quan đến con dấu công ty Việt Phát (ký hiệu M1, M2); 01 bản tự dạng chữ viết, chữ ký của Đào Trọng H1 (ký hiệu M3); 01 bản cam kết của H1 (ký hiệu M4); 01 bản tự dạng chữ viết chữ ký của Nguyễn Thị H (ký hiệu M5); 01 bản định dạng chữ viết, chữ ký của Phạm Thị Mai Hương (ký hiệu M6); 01 bản tường trình của Hương (ký hiệu M7); các bản tường trình và ghi lời khai của Ma Tuấn T3, Hoàng Đức H, Nguyễn Văn K2, Đặng Thị Thủy, Phan Văn Thọ, Nguyễn Văn C (ký hiệu từ M8 đến M17); 04 pH1 thu mẫu dấu (ký hiệu M18). Tại Kết luận giám định số 477/GĐ-KTHS ngày 18/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

Hình dấu tròn nội dung “CHI NHÁNH CÔNG TY VIỆT PHÁT TẠI TỈNH TUYÊN QUANG” trên các mẫu cần giám định A1, A2, A3, A4, A5, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A25, A26, A27 với hình dấu tròn trên mẫu so sánh M1, M2 là do cùng một con dấu in ra.

Chữ ký dưới mục ghi “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu giám định A1, A2, A4, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13 và chữ ký dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên mẫu giám định A25, A26, A27 với dấu chữ ký trên mẫu M18 là do cùng một con dấu in ra.

Dấu chức danh và họ tên dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu giám định A1, A2, A4, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13 và dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A”

trên mẫu giám định A25, A26, A27 với dấu chức danh và họ tên trên mẫu so sánh M18 là do cùng một con dấu in ra.

Chữ ký dưới mục ghi “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu giám định A1, A2, A4, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13 và dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên mẫu giám định A25, A26, A27 do dấu in ra nên không giám định được với mẫu M3, M4.

Chữ viết, chữ số phần nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục “Người lập” trên mẫu giám định A1, A2, A4, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13, A17, A18, A19, A20, A21, A22, A23, A24 với chữ viết chữ số, chữ ký ghi tên Phạm Mai H3 trên mẫu M6, M7 là do cùng một người viết ký.

Chữ viết, chữ số phần nội dung và chữ ký, chữ viết dưới mục “Người lập” trên mẫu A5, A6, A15, A16; chữ viết, chữ số phần nội dung và chữ ký dưới mục “Người lập pH1” trên mẫu A14 với chữ viết, chữ số, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu M5 là do một người viết ký.

Chữ ký, chữ viết ghi tên Ma Tuấn T3 dưới mục “Người nộp” trên mẫu A1, A20; dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu A3, A14 và dưới mục “BÊN B” trên mẫu A25 với chữ viết, chữ ký ghi tên Ma Tuấn T3 trên mẫu M8, M13 là do cùng một người viết ký.

Chữ ký ghi tên Đặng Thị Thủy dưới mục “Người nhận” trên mẫu A6, A15 và dưới mục “BÊN B” trên mẫu A26 với chữ ký, chữ viết ghi tên Đặng Thị Thủy trên mẫu M10, M15 là do cùng một người ký viết.

Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nộp” trên mẫu A4, A5 với chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Đức H trên mẫu M12, M17 là do cùng một người viết, ký.

Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nộp” trên mẫu A9, A10, A21, A22 với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Văn C trên mẫu M9, M14 là do cùng một người viết, ký.

Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người nộp” trên mẫu A12, A17 và dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu A16 với chữ ký, chữ viết ghi tên Phan Đức Thọ trên mẫu M11, M16 là do cùng một người viết, ký.

Chữ ký dưới mục “Người nộp” trên mẫu A13 với chữ ký ghi tên Phan Đức Thọ trên mẫu M11, M16 không phải do cùng một người ký.

- Tiến hành giám định chữ số, chữ viết trong PH1 thu không số, lập ngày 04/10/2019, do bà Trịnh Thị X cung cấp. Tại Kết luận giám định số 973/KL-KTHS ngày 25/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ viết, chữ số mực màu đen “300.000.000đ ba trăm triệu đồng chẵn” trên PH1 thu do bà X cung cấp là chữ số, chữ viết của bà X.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSTQ-P1 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 và Hoàng Lâm T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 và Hoàng Lâm T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 14 năm 06 tháng tù đến 15 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (28/10/2021).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Trọng H1 từ 13 năm tù đến 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (28/10/2021).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Lâm T từ 08 năm tù đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (08/10/2022).

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho 16 bị hại với tổng số tiền là 1.349.900.000 đồng.

+ Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải hoàn trả cho 04 bị hại Lý Văn V, Lương Văn H3, Khổng Văn Q, Lý Xuân T2 số tiền 286.000.000 đồng, trong đó T hoàn trả 118.000.000 đồng, H hoàn trả 84.000.000 đồng, H1 hoàn trả 84.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Anh Lý Văn V 77.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 23.000.000 đồng, do trước đó đã chuyển cho H 17.000.000 đồng để H trả cho anh V nhưng H và H1 không trả mà chiếm đoạt hết; H hoàn trả 27.000.000 đồng; H1 hoàn trả 27.000.000 đồng).

- Anh Lương Văn H3 77.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 40.000.000 đồng, H hoàn trả 18.500.000 đồng; H1 hoàn trả 18.500.000 đồng).

- Anh Khổng Văn Q 77.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 40.000.000 đồng, H hoàn trả 18.500.000 đồng; H1 hoàn trả 18.500.000 đồng).

- Anh Lý Xuân T2 55.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 15.000.000 đồng, H hoàn trả 20.000.000 đồng; H1 hoàn trả 20.000.000 đồng).

+ Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 phải liên đới hoàn trả cho 11 bị hại Hoàng Thông C, Hoàng Đức H, Vũ Việt D1, Hà Văn M, Ôn Văn C, Ma Tuấn T3, Nguyễn Văn C, Đặng Thị Thủy, Lê Anh Đ, Trần Thị T5, Lăng Văn N số tiền 671.400.000 đồng, trong đó H hoàn trả 335.700.000 đồng, H1 hoàn trả 335.700.000 đồng, cụ thể như sau:

- Anh Hoàng Thông C 15.000.000 đồng (H hoàn trả 7.500.000 đồng, H1 hoàn trả 7.500.000 đồng)

- Anh Hoàng Đức H 127.000.000 đồng (H hoàn trả 63.500.000 đồng, H1 hoàn trả 63.500.000 đồng).

- Anh Vũ Việt D1 55.000.000 đồng (H hoàn trả 27.500.000 đồng, H1 hoàn trả 27.500.000 đồng).

- Anh Hà Văn M 68.000.000 đồng (H hoàn trả 34.000.000 đồng, H1 hoàn trả 34.000.000 đồng).

- Anh Ôn Văn C 15.000.000 đồng (H hoàn trả 7.500.000 đồng, H1 hoàn trả 7.500.000 đồng).

- Anh Ma Tuấn T3 75.000.000 đồng (H hoàn trả 37.500.000 đồng, H1 hoàn trả 37.500.000 đồng).

- Anh Nguyễn Văn C 70.000.000 đồng (H hoàn trả 35.000.000 đồng, H1 hoàn trả 35.000.000 đồng).

- Chị Đặng Thị Thủy 70.000.000 đồng (H hoàn trả 35.000.000 đồng, H1 hoàn trả 35.000.000 đồng).

- Anh Lê Anh Đ 15.000.000 đồng (H hoàn trả 7.500.000 đồng, H1 hoàn trả 7.500.000 đồng).

- Bà Trần Thị T5 75.700.000 đồng (H hoàn trả 37.850.000 đồng, H1 hoàn trả 37.850.000 đồng).

- Anh Lăng Văn N 85.700.000 đồng (H hoàn trả 42.850.000 đồng, H1 hoàn trả 42.850.000 đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm cá nhân phải hoàn trả cho bị hại Trịnh Thị X số tiền 392.500.000 đồng mà H trực tiếp thu tiền và chiếm đoạt.

Do khi các bị hại trong vụ án yêu cầu trả lại tiền, bị cáo H, bị cáo H1 đã trả trước cho các bị hại số tiền 470.000.000 đồng, trong đó có cả số tiền của bị cáo T, H1 chiếm đoạt và hưởng lợi cá nhân, do vậy bị cáo T có trách nhiệm hoàn trả cho

bị cáo H, H1 số tiền là 225.000.000 đồng, bị cáo H1 không phải hoàn trả cho bị cáo H số tiền là 130.000.000 đồng.

Đối với các bị hại mà Nguyễn Thị H và Đào Trọng H1 trực tiếp tư vấn, thu tiền, hướng dẫn làm bài thi và không trao đổi với T để chiếm đoạt toàn bộ số tiền, khi các bị hại yêu cầu trả lại tiền, bị cáo H đã trả trước số tiền 299.500.000 đồng (trong đó có cả số tiền của bị cáo H1 chiếm đoạt và hưởng lợi cá nhân), bị cáo Đào Trọng H1 đã trả trước số tiền 63.000.000 đồng (trong đó có cả số tiền của bị cáo H chiếm đoạt và hưởng lợi cá nhân). Các bị cáo thừa nhận lấy số tiền đã thu của các bị hại để bồi thường, nên được tính cho cả hai bị cáo, hai bị cáo không phải hoàn trả cho nhau hai khoản tiền trên.

Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Thị H và Đào Trọng H1 đã chi phí chung trong thời gian sống chung, làm chung, đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giành quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu khởi kiện của các bị cáo.

Đối với số tiền 368.200.000 đồng (mà bà Cao Thị T10 là mẹ đẻ của bị cáo Hoàng Lâm T đã nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo T), đề nghị giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng (mà ông Đào Trọng T11 là bố đẻ của bị cáo Đào Trọng H1 đã nộp khắc phục một phần hậu quả thay cho bị cáo H1), đề nghị giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án trả lại cho các bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như hợp đồng dịch vụ, pH1 thu, pH1 chi và các tài liệu, chứng cứ khác do bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan giao nộp.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dấu màu đỏ bằng nhựa, 01 con dấu màu xanh dương bằng nhựa (đã được niêm phong trong 01 hộp giấy có chữ ký của Đào Trọng H1 do Công an thành phố Tuyên Quang niêm phong).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đào Trọng H1 tham gia tranh luận: Do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo phạm tội, bị cáo thấy có lợi cho các em học sinh và người dân thì bị cáo tư vấn đi học và lao động ở nước ngoài, bị cáo không chối tội, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử mức án dưới khung hình phạt, về bồi thường dân sự bị cáo sẽ tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho các bị hại; về số tiền bị cáo và bị cáo H đã bồi thường cho các bị hại đến đòi trả lại tiền đề nghị ghi nhận chung cho hai bị cáo vì nguồn gốc số tiền này được lấy từ số tiền của các bị hại đã nộp cho hai bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H trình bày luận cứ:

Nhất trí với tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã có ý thức hoàn trả được phần lớn số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, trong quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện và xử lý tội phạm; một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn Thọ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt, để bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình, xã hội, thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền đối với các bị hại; về trách nhiệm bồi thường dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Trọng H1 trình bày luận cứ:

Nhất trí với tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, không tranh luận về tội danh. Bị cáo H1 có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã cùng bị cáo H hoàn trả được phần lớn số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại; một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố đẻ bị cáo là ông Đào Trọng T11 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Lâm T trình bày luận cứ:

Nhất trí với tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình hoàn trả hết số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại; một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại là ông Cao Duy Quảng được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; bị cáo được tặng Giấy khen trong quá trình học tập là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là đồng phạm người giúp sức cho các bị cáo H, H1. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên để bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình, xã hội.

Bị hại anh Lương Văn H3 tranh luận: Bị cáo Đào Trọng H1 là người trực tiếp tư vấn cho chúng tôi, sau đó bảo tôi nộp tiền cho bị cáo H; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Kiểm sát viên và buộc các bị cáo phải hoàn trả lại tiền cho tôi.

Các bị hại anh Lý Xuân T2, anh Hoàng Đức H, ông Nguyễn Văn C, anh Hà Văn M, anh Ma Tuấn T3, chị Đặng Thị Thủy, bà Trần Thị T5, bà Trịnh Thị X, đề

ngợi Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Kiểm sát viên, không nhất trí xử phạt bị cáo H, H1 mức án dưới khung như đề nghị của Luật sư và buộc các bị cáo phải hoàn trả lại tiền cho các bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đào Trọng T11 trình bày: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Đào Trọng H1 đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này ông không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T10 trình bày: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Hoàng Lâm T đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 30.000.000 đồng và ngày 30/11/2022 bà đã nộp 338.200.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để bồi thường cho các bị hại, như vậy bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thay cho bị cáo tổng số tiền là 368.200.000 đồng, số tiền này bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt của một số bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH1 nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như lời khai ban đầu của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như pH1 thu, pH1 chi, kết luận giám định, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2019, lợi dụng Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản, do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức, với chi phí dịch vụ thấp và mặc dù biết người đăng ký tham gia chương trình

này không được qua công ty trung gian môi giới, nhưng Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T vẫn câu kết lấy danh nghĩa Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang (do H1 là Giám đốc và H là nhân viên kinh doanh), đưa ra thông tin gian dối để tư vấn, thu tiền của những người trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia chương trình học và một số chương trình XKLD khác, nhằm chiếm đoạt tiền của người dân, cụ thể:

1. Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 và Hoàng Lâm T có hành vi câu kết lừa đảo chiếm đoạt của 13 người đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật bản, số tiền là 798.000.000 đồng: Gồm các anh, chị (1) Lý Văn V, trú tại tổ dân phố Đồng Chằm, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn số tiền 77.000.000 đồng; (2) Không Văn Q, trú tại tổ 8, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang 77.000.000 đồng; (3) Lương Văn H3, trú tại thôn 9, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn 77.000.000 đồng; (4) Lý Xuân T2, trú tại thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương 55.000.000 đồng; (5) Triệu Văn Q, trú tại thôn Phiêng Mơ, xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình 42.000.000 đồng; (6) Ngân Xuân B, trú tại thôn Ninh Tân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương 90.000.000 đồng; (7) Quan Thị H, trú tại tổ dân phố Nặm Chá, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 55.000.000 đồng; (8) Nguyễn Thị K, trú tại tổ dân phố Làng Chùa, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 55.000.000 đồng; (9) Phượng Thị Lanh, trú tại Đội 1, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình 55.000.000 đồng; (10) Nguyễn Thị T, trú tại tổ dân phố Nà Khà, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 15.000.000 đồng; (11) Ma Thị A, trú tại thôn Tân Lập, xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình 55.000.000 đồng; (12) ông Quan Văn C, trú tại thôn Phiêng Luông, xã Bình An, huyện Lâm Bình 55.000.000 đồng; (13) bà Chu Thị N, trú tại tổ dân phố Đồng Chằm, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn 90.000.000 đồng.

2. Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 có hành vi câu kết lừa đảo chiếm đoạt của 16 người đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật bản, số tiền là 1.053.400.000 đồng: Gồm các anh, chị (1) Hoàng Thông C, trú tại thôn Bản Dạ, xã Bình An, huyện Lâm Bình 15.000.000 đồng; (2) Hoàng Đức H, trú tại tổ dân phố Nặm Đíp, thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 127.000.000 đồng; (3) Nguyễn Văn C - bố của anh Nguyễn Văn K2, trú tại thôn 1 An Thạch, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên 90.000.000 đồng; (4) Nguyễn Văn D, trú tại thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 15.000.000 đồng; (5) Châu Thị H, trú tại thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 15.000.000 đồng; (6) Nguyễn Thế D, trú tại thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 15.000.000 đồng; (7) Quan Văn Q, trú tại xã Phúc Yên, huyện Lâm Bình 55.000.000 đồng; (8) Nguyễn Ngọc Thuyết, trú tại thị trấn Lãng Can, huyện Lâm Bình 50.000.000 đồng; (9) Vũ Việt D1, trú tại tổ 6, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang 90.000.000 đồng; (10) Hà Văn M, trú tại thôn Đán Khao, xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn 90.000.000 đồng; (11) Ôn Văn C, trú tại thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương 25.000.000 đồng; (12) Ma Tuấn T3, trú tại thôn Bình Minh, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa 105.000.000 đồng; (13) Đặng Thị Thủy, trú tại thôn Khuôn Tâm, xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương 105.000.000 đồng; (14) Lê Anh Đ, trú tại thôn Yên Quang, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa 95.000.000 đồng; (15) Trần Thị T5 - bà của anh Vũ Đức T7, trú tại tổ 4, phường Hưng Thành,

thành phố Tuyên Quang 75.700.000 đồng; (16) Lăng Văn N, trú tại thôn Thái Sơn Đông, xã Đại Phú, huyện Sơn Dương 75.700.000 đồng.

3. Nguyễn Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Trịnh Thị X: Từ ngày 31/7/2019 đến 04/10/2019, lợi dụng việc tư vấn cho anh Trần Quyết T9 đi du học Nhật Bản theo chương trình của Công ty Việt Phát (Ninh Bình), H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Trịnh Thị X, trú tại tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương (mẹ của anh Q) số tiền là 392.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, xác định các bị cáo đã có hành vi cấu kết lừa đảo vi chiếm đoạt của các bị hại như sau: Nguyễn Thị H chiếm đoạt của 30 người tổng số tiền 2.243.900.000 đồng (H cùng H1 và T chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1 số tiền 798.000.000 đồng; H cùng H1 chiếm đoạt của 16 người nêu tại mục 2 số tiền 1.053.400.000 đồng và H chiếm đoạt của bà Trịnh Thị X nêu tại mục 3 số tiền 392.500.000 đồng). Đào Trọng H1 chiếm đoạt của 29 người tổng số tiền 1.851.400.000 đồng gồm (H1 cùng H và T chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1 số tiền 798.000.000 đồng; H1 cùng H chiếm đoạt của 16 người nêu tại mục 2 số tiền 1.053.400.000 đồng). Hoàng Lâm T cấu kết với H và H1 chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1, số tiền 798.000.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại với số tiền rất lớn để chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Đánh giá vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Thị H là nhân viên kinh doanh của Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang, sau khi các bị cáo và chị Đàm Thị Q1 gặp nhau tại thành phố Tuyên Quang trao đổi về việc môi giới giới thiệu, tư vấn đi học, xuất khẩu lao động tại Nhật Bản một thời gian sau bị cáo H liên hệ với bị cáo T và thống nhất với bị cáo H1 đã lừa đảo chiếm đoạt của 30 người tổng số tiền 2.243.900.000 đồng (H cùng H1, T chiếm đoạt của 13 người số tiền 798.000.000 đồng; H cùng H1 chiếm đoạt của 16 người số tiền 1.053.400.000 đồng; H chiếm đoạt của bà Trịnh Thị X số tiền 392.500.000 đồng), H là người trực tiếp đưa ra thông tin gian dối để tư vấn, soạn thảo hợp đồng, thu tiền hoặc chỉ đạo nhân viên Công ty thu tiền sau đó nộp toàn bộ vào tài khoản cá nhân của H, hưởng lợi cá nhân với số tiền lớn nhất 1.359.377.000 đồng nên Nguyễn Thị H giữ vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Đào Trọng H1 với chức vụ là Giám đốc Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang, đã cấu kết cùng các bị cáo khác chiếm đoạt của 29 người tổng số tiền 1.851.400.000 đồng (H1 cùng H, T chiếm đoạt của 13 người nêu tại mục 1 số

tiền 798.000.000 đồng; H1 cùng H chiếm đoạt của 16 người nêu tại mục 2 số tiền 1.053.400.000 đồng). Bị cáo H1 biết việc Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang không được giao thực hiện việc ký hợp đồng, thỏa thuận với cá nhân, tổ chức có chức năng đưa người đi lao động ở nước ngoài nhưng đã cùng với bị cáo H đưa ra thông tin gian dối, hướng dẫn và chỉ đạo nhân viên Công ty soạn thảo hợp đồng, chỉ đạo bị cáo H thu tiền và chiếm đoạt tiền của các bị hại, hưởng lợi cá nhân số tiền 152.423.000 đồng, cùng với bị cáo H chịu trách nhiệm chung về số tiền 347.100.000 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại, sau đó sử dụng chi cho hoạt động của Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang (trả lương nhân viên hợp đồng, thanh toán công tác phí, tiền điện, tiền mạng viễn thông, thuê nhà, hội trường...), nên đánh giá bị cáo Đào Trọng H1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án, sau bị cáo Nguyễn Thị H.

Bị cáo Hoàng Lâm T có vai trò đồng phạm là người giúp sức, cầu kết cùng với H và H1 chiếm đoạt của 13 người số tiền 798.000.000 đồng. Bị cáo T cùng với Đàm Thị Q1 đã giới thiệu, cung cấp thông tin về Chương trình thực tập kỹ thuật Nhật Bản - IM JAPAN, gợi ý cho các bị cáo H1 và H một số nội dung gian dối, không đúng thực tế đề tư vấn và thu tiền của người lao động, đồng thời hứa hẹn sẽ hướng dẫn cách làm bài thi đầu vào cho người lao động, với mỗi trường hợp bị cáo T đã thỏa thuận sẽ nhận số tiền 40.000.000 đồng/người (người thuộc diện ưu tiên là 30.000.000 đồng/người), tổng số tiền bị cáo T hưởng lợi cá nhân là 385.000.000 đồng.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H được áp dụng tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T được một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Thọ, bị cáo H1 có bố đẻ là ông Đào Trọng T11 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Hoàng Lâm T có ông ngoại là ông Cao Duy Quảng được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba, bị cáo T được tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh và Giấy chứng nhận học sinh giỏi cấp tỉnh, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[8] Về luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức án cho phù hợp pháp luật.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho 16 bị hại với tổng số tiền là 1.349.900.000 đồng.

+ Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải hoàn trả cho 04 bị hại Lý Văn V, Lương Văn H3, Khổng Văn Q, Lý Xuân T2 số tiền 286.000.000 đồng, trong đó T hoàn trả 118.000.000 đồng, H hoàn trả 84.000.000 đồng, H1 hoàn trả 84.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Anh Lý Văn V 77.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 23.000.000 đồng, do trước đó đã chuyển cho H 17.000.000 đồng để H trả cho anh V nhưng H và H1 không trả mà chiếm đoạt hết; H hoàn trả 27.000.000 đồng; H1 hoàn trả 27.000.000 đồng).

- Anh Lương Văn H3 77.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 40.000.000 đồng, H hoàn trả 18.500.000 đồng; H1 hoàn trả 18.500.000 đồng).

- Anh Khổng Văn Q 77.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 40.000.000 đồng, H hoàn trả 18.500.000 đồng; H1 hoàn trả 18.500.000 đồng).

- Anh Lý Xuân T2 55.000.000 đồng (trong đó T hoàn trả 15.000.000 đồng, H hoàn trả 20.000.000 đồng; H1 hoàn trả 20.000.000 đồng).

+ Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 phải liên đới hoàn trả cho 11 bị hại Hoàng Thông C, Hoàng Đức H, Vũ Việt D1, Hà Văn M, Ôn Văn C, Ma Tuấn T3, Nguyễn Văn C, Đặng Thị Thủy, Lê Anh Đ, Trần Thị T5, Lăng Văn N số tiền 671.400.000 đồng, trong đó H hoàn trả 335.700.000 đồng, H1 hoàn trả 335.700.000 đồng, cụ thể như sau:

- Anh Hoàng Thông C 15.000.000 đồng (H hoàn trả 7.500.000 đồng, H1 hoàn trả 7.500.000 đồng)

- Anh Hoàng Đức H 127.000.000 đồng (H hoàn trả 63.500.000 đồng, H1 hoàn trả 63.500.000 đồng).

- Anh Vũ Việt D1 55.000.000 đồng (H hoàn trả 27.500.000 đồng, H1 hoàn trả 27.500.000 đồng).

- Anh Hà Văn M 68.000.000 đồng (H hoàn trả 34.000.000 đồng, H1 hoàn trả 34.000.000 đồng).

- Anh Ôn Văn C 15.000.000 đồng (H hoàn trả 7.500.000 đồng, H1 hoàn trả 7.500.000 đồng).

- Anh Ma Tuấn T3 75.000.000 đồng (H hoàn trả 37.500.000 đồng, H1 hoàn trả 37.500.000 đồng).

- Anh Nguyễn Văn C 70.000.000 đồng (H hoàn trả 35.000.000 đồng, H1 hoàn trả 35.000.000 đồng).

- Chị Đặng Thị Thủy 70.000.000 đồng (H hoàn trả 35.000.000 đồng, H1 hoàn trả 35.000.000 đồng).

- Anh Lê Anh Đ 15.000.000 đồng (H hoàn trả 7.500.000 đồng, H1 hoàn trả 7.500.000 đồng).

- Bà Trần Thị T5 75.700.000 đồng (H hoàn trả 37.850.000 đồng, H1 hoàn trả 37.850.000 đồng).

- Anh Lăng Văn N 85.700.000 đồng (H hoàn trả 42.850.000 đồng, H1 hoàn trả 42.850.000 đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho bà Trịnh Thị X số tiền 392.500.000 đồng mà H trực tiếp thu tiền và chiếm đoạt.

Do khi các bị hại trong vụ án yêu cầu trả lại tiền, bị cáo H, bị cáo H1 đã trả trước cho các bị hại số tiền 470.000.000 đồng, trong đó có cả số tiền của bị cáo T, H1 chiếm đoạt và hưởng lợi cá nhân. Do vậy buộc bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 112.500.000 đồng và hoàn trả cho bị cáo Đào Trọng H1 số tiền 112.500.000 đồng.

Đối với các bị hại mà Nguyễn Thị H và Đào Trọng H1 trực tiếp tư vấn, thu tiền, hướng dẫn làm bài thi và không trao đổi với T để chiếm đoạt toàn bộ số tiền, khi các bị hại yêu cầu trả lại tiền, bị cáo H đã trả trước số tiền 299.500.000 đồng (trong đó có cả số tiền của bị cáo H1 chiếm đoạt và hưởng lợi cá nhân), bị cáo Đào Trọng H1 đã trả trước số tiền 63.000.000 đồng (trong đó có cả số tiền của bị cáo H chiếm đoạt và hưởng lợi cá nhân).

Tại phiên tòa các bị cáo H, H1 thừa nhận lấy số tiền đã thu của các bị hại để trả cho những người yêu cầu trả lại tiền, nên được tính cho cả hai bị cáo, số tiền đã trả là 470.000.000 đồng và 63.000.000 đồng hai bị cáo không phải hoàn trả cho nhau hai khoản tiền trên.

Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Thị H và Đào Trọng H1 đã chi phí chung trong thời gian sống chung, làm chung tại Công ty cổ phần Phát triển nhân lực Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang, tách ra giành quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu khởi kiện của các bị cáo.

Đối với số tiền 368.200.000 đồng (mà bà Cao Thị T10 là mẹ đẻ của bị cáo Hoàng Lâm T đã nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo T), giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng (mà ông Đào Trọng T11 là bố đẻ của bị cáo Đào Trọng H1 đã nộp khắc phục một phần hậu quả thay cho bị cáo H1), giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án trả lại cho các bị hại.

[11] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu màu đỏ bằng nhựa, 01 con dấu màu xanh dương bằng nhựa (đã được niêm phong trong 01 hộp giấy có chữ ký của Đào Trọng H1 do Công an thành phố Tuyên Quang niêm phong).

Đối với các tài liệu, chứng cứ như hợp đồng dịch vụ, pH1 thu, pH1 chi và các tài liệu, chứng cứ khác do bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan giao nộp là chứng cứ của vụ án, do vậy cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

[12] Đối với các trường hợp liên quan đến các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T, có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Các anh, chị Hoàng Thị Thu H (trú tại thôn Bang, xã Tân Trinh, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang) nộp 90.000.000 đồng; Phạm Thị Thùy Trang (trú tại thôn 5, xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn) nộp 90.000.000 đồng; Lương Văn Cửa (trú tại thôn Đèo Khế, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương) nộp 55.000.000 đồng; Hoàng Văn Cường (trú tại thôn Tân Hoa, xã Bình An, huyện Lâm Bình) nộp 15.000.000 đồng; Lại Bá Mạnh (trú tại thôn Thái Sơn Đông, xã Đại Phú, huyện Sơn Dương) nộp 90.000.000 đồng; Nguyễn Văn Huy (trú tại thôn 4, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn) nộp 90.000.000 đồng, để đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản và đều đã thi đỗ đầu vào, hiện đang lao động tại Nhật Bản. Cơ quan điều tra đã ủy thác tương trợ tư pháp đến Bộ Tư pháp Nhật Bản, nhưng đến nay chưa có kết quả, nên đã tách các nội dung nêu trên để tiếp tục xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Vĩnh 55.000.000 đồng (đến nay chưa xác định được địa chỉ cụ thể) đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản (H chuyển cho T 30.000.000 đồng). Sau đó, chị Vĩnh bị đơn vị tổ chức phát hiện đã thông qua công ty môi giới để tham gia chương trình, nên không được thi đầu vào; cuối năm 2018, H trả lại tiền cho chị Vĩnh. Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm bị hại liên quan đến vụ án, nhưng đến nay chưa có kết quả; đã tách nội dung trên để tiếp tục xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với anh Hà Ngọc Toan (trú tại tổ 11, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang): Anh Toan đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật bản và nộp cho H 90.000.000 đồng, H chuyển cho T 30.000.000 đồng, nhưng anh Toan tự bỏ không tham gia chương trình và H đã trả lại số tiền trên cho anh Toan. Sau đó, ông Hà Ngọc Tĩnh (bố đẻ anh Toan) gửi đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và đã được thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định. Đến ngày 21/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm, với lý do đã hết thời hạn kiểm tra, xác minh nhưng chưa nhận được tài liệu đã yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp.

Đối với chị Phạm Mai H3 (trú tại tổ 10, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang), là nhân viên trực văn phòng tại Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang (từ tháng 5/2018 đến hết tháng 8/2019). Quá trình làm việc, những lúc bị cáo H đi vắng hoặc bận việc đã chỉ đạo chị H3 thu tiền của các cá nhân đến đăng ký đi XKLD, du học, sau đó nộp toàn bộ vào tài khoản của H; ngoài ra, chị H3 còn soạn thảo các hợp đồng theo hướng dẫn của H1 và H. Tuy nhiên, chị H3 không biết

Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản, không biết việc H1 và H tư vấn, thu tiền của người dân để tham gia chương trình này và du học Singapore; không biết, không được bàn bạc và không được hưởng lợi gì từ số tiền mà H1 và H đã lừa chiếm của người dân, nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Tống Ngọc K (trú tại thôn Cổ Loan Trung 2, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình), nguyên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Tuyên Quang, nên có quen biết với bị cáo H1; sau khi ông K nghỉ hưu, H1 thuê ông K làm việc cho Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang (từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2018). Cuối tháng 7/2018, sau khi H1 xin được Văn bản số 922 ngày 23/7/2018 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang, vì ông K có nhiều mối quan hệ, nên H1 bảo ông K đi cùng đến một số xã xin tổ chức hội nghị tư vấn. Tuy nhiên, sau đó ông K không tham gia tư vấn, không biết nội dung H1 và H tư vấn cho người dân, không được hưởng lợi gì từ số tiền H và H1 chiếm đoạt của người dân, nên không xem xét xử lý.

Đối với chị Huỳnh Thanh Phương (trú tại tổ 9, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang), được bị cáo H thuê làm công việc thay cho chị H3 (từ tháng 8 đến tháng 9/2019). Trong thời điểm này, H1 và H không hoạt động tư vấn, tuyển người lao động đi làm việc ở Nhật Bản, đi du học Singapore, chị Phương không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H1 và H, nên không xem xét xử lý.

Đối với chị Trần Thị Sáu (trú tại xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn) được bị cáo H thuê làm cộng tác viên tư vấn XKLD, hưởng lương theo tháng, thời gian chị Sáu làm việc tại Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang là 01 tháng. Trong thời gian làm việc, chị Sáu không tư vấn, giới thiệu được khách hàng nào cho Công ty, nên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo H1 và H, nên không xem xét xử lý.

Đối với các anh Lương Văn Huỳnh (trú tại xã Diêm Mạc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), Phạm Văn Dương (trú tại xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), Nguyễn Xuân T (trú tại xóm 2, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang) được bị cáo H1 mời làm cộng tác viên tư vấn XKLD; trong đó các anh Dương, Huỳnh làm việc tại Công ty khoảng 01 tháng, anh T làm việc được 02 tháng, chủ yếu là đi cùng H1 đến các xã nghe H1 tư vấn, học kinh nghiệm và phát tờ rơi quảng cáo về chương trình du học Nhật Bản, XKLD Nhật Bản. Trong thời gian làm việc, các anh Dương, Huỳnh, T không tư vấn, giới thiệu được khách hàng nào cho Công ty; không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo H1 và H, nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Lê Văn H4, Phó Giám đốc và ông Nguyễn Văn D3, Trưởng phòng Lao động việc làm, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang (hiện cả 02 người đã nghỉ hưu) đã tham mưu, ký ban hành Văn bản số 922 ngày 23/7/2018 đồng ý cho Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang được tư vấn, tuyển người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc tại Nhật Bản. Cơ quan điều tra tách hành vi của ông H4 và Dũng để tiếp tục kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Đàm Thị Q1 (trú tại đội 6, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa): Mặc dù biết Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản, do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức, có mức chi phí thấp (khoảng 13.000.000 đồng), không được thông qua trung gian, môi giới. Nhưng đầu năm 2018 Q1 và T đã lên Tuyên Quang gặp H, H1 bàn bạc đưa ra thông tin gian dối để tư vấn cho người dân trên địa bàn tỉnh tham gia chương trình, thu phí dịch vụ cao hơn từ 04 đến 07 lần so với quy định để chiếm đoạt, hưởng lợi. Đầu tháng 8/2018, khi H liên hệ thì Q1 từ chối tham gia (vì chuẩn bị sinh con) và không biết việc H, H1, T lừa đảo chiếm đoạt tiền của người dân, không được hưởng lợi gì, nên không xem xét xử lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định, trước tháng 8/2018 H đã tư vấn và thu 10.000.000 đồng tiền đặt cọc của người phụ nữ tên là Ngọc Anh; 149.000.000 đồng của 03 người đàn ông tên là Huy, Đức, Long đều đăng ký tham gia Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản. Sau đó, H chuyển hết số tiền trên cho Q1 để làm thủ tục, nhưng do những người này đều bị bệnh viêm gan B, nên không đủ điều kiện tham gia và Q1 đã chuyển lại tiền cho H để trả cho 04 người này (chưa xác định được địa chỉ cụ thể và thông tin liên quan). Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm người bị hại trong vụ án, nhưng chưa có kết quả, nên đã tách hành vi của Q1 và H để tiếp tục kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với các trường hợp có liên quan đến bị cáo Nguyễn Thị H, nhưng xác định không có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Trường hợp các anh Hoàng Văn Việt, La Văn T (cùng trú tại tổ 6, phường Phú Lâm, thành phố Tuyên Quang) đến Công ty Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang nhờ H giới thiệu đi du học Singapore; H chỉ hỗ trợ anh Việt, T làm thủ tục đi du học, hiện đã về nước; quá trình làm việc cả anh Việt và T đều xác nhận nội dung trên là đúng. Trường hợp anh Đỗ Thanh D (trú tại xã Đại Phú, huyện Sơn Dương) đăng ký Chương trình Thực tập kỹ thuật Nhật Bản, nhưng không đủ điều kiện về sức khỏe, nên H giới thiệu đi lao động tại Nhật Bản theo diện kỹ sư (anh D có bằng kỹ sư) và nhận của anh D 56.000.000 đồng để nộp lệ phí theo quy định, nhưng do anh D không thi đỗ đầu vào và đơn vị tổ chức ở Hà Nội đã trả lại cho anh D số tiền trên.

Quá trình điều tra, còn tiếp nhận đơn liên quan đến các bị cáo Đào Trọng H1 và Nguyễn Thị H: Ngày 18/11/2021, bà Hoàng Thị Phương (trú tại tổ 6, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang) đến Cơ quan điều tra trình báo về việc đưa cho H 50.000.000 đồng nhờ làm thủ tục chứng minh tài chính cho con trai là anh Nguyễn Quang Thiên đang học ở Nhật Bản và muốn học tiếp cao học, nhưng sau đó không thấy H trả lại tiền thừa. Ngày 14/3/2020, anh Phan Văn Thọ (trú tại tổ 6, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang) trình báo về việc H1 và H dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của anh qua việc tư vấn đi du học Singapore. Kết quả điều tra, xác định cả 02 trường hợp trên đều là thỏa thuận, giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm (riêng bà Phương đã rút đơn), nên không xem xét giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[14] Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (28/10/2021).

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Trọng H1 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (28/10/2021).

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Lâm T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (08/10/2022).

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 122, Điều 127 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1, Hoàng Lâm T phải có trách nhiệm hoàn trả cho 04 bị hại, tổng số tiền là 286.000.000 đồng, trong đó bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả số tiền là 118.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền là 84.000.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền là 84.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Trả cho anh Lý Văn V, trú tại Tổ dân phố Đồng Chằm, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang số tiền 77.000.000 đồng (trong đó bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả 23.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả 27.000.000 đồng; bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả 27.000.000 đồng);

- Trả cho anh Lương Văn H3, trú tại Thôn 9, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang số tiền 77.000.000 đồng (trong đó bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả 40.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả 18.500.000 đồng; bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả 18.500.000 đồng);

- Trả cho anh Khổng Văn Q, trú tại Tổ 8, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 77.000.000 đồng (trong đó bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả 40.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả 18.500.000 đồng; bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả 18.500.000 đồng);

- Trả cho anh Lý Xuân T2, trú tại Thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 55.000.000 đồng (trong đó bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả 15.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả 20.000.000 đồng; bị cáo Đào Trọng H1 hoàn trả 20.000.000 đồng);

2.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Đào Trọng H1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho 11 bị hại, tổng số tiền là 671.400.000 đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền là 335.700.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền là 335.700.000 đồng, cụ thể như sau:

- Trả cho anh Hoàng Thông C, trú tại Thôn Bản Dạ, xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang số tiền 15.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng);

- Trả cho anh Hoàng Đức H, trú tại Tổ dân phố Năm Đíp, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang số tiền 127.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 63.500.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 63.500.000 đồng);

- Trả cho anh Vũ Việt D1, trú tại Tổ 6, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 55.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 27.500.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 27.500.000 đồng);

- Trả cho anh Hà Văn M, trú tại Thôn Đán Khao, xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang số tiền 68.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 34.000.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 34.000.000 đồng);

- Trả cho anh Ôn Văn C, trú tại Thôn Tân Tiến, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 15.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng);

- Trả cho anh Ma Tuấn T3, trú tại Thôn Bình Minh, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang số tiền 75.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 37.500.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 37.500.000 đồng);

- Trả cho anh Nguyễn Văn C, trú tại Thôn 1 An Thạch, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang số tiền 70.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 35.000.000 đồng);

- Trả cho chị Đặng Thị T, trú tại Thôn Khuân Tâm, xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 70.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 35.000.000 đồng);

- Trả cho anh Lê Anh Đ, trú tại Thôn Yên Quang, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang số tiền 15.000.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng);

- Trả cho bà Trần Thị T5, trú tại Tổ 4, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 75.700.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 37.850.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 37.850.000 đồng);

- Trả cho anh Lăng Văn N, trú tại Thôn Thái Sơn Đông, xã Đại Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 85.700.000 đồng (trong đó bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 42.850.000 đồng, bị cáo Đào Trọng H1 phải hoàn trả số tiền 42.850.000 đồng);

2.3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho bà Trịnh Thị X, trú tại Tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang số tiền 392.500.000 đồng.

2.4. Buộc bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 112.500.000 đồng;

- Buộc bị cáo Hoàng Lâm T phải hoàn trả cho bị cáo Đào Trọng H1 số tiền 112.500.000 đồng.

2.5. Số tiền 368.200.000 đồng do bà Cao Thị T10 đã nộp cho bị cáo Hoàng Lâm T (gồm 338.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002493 ngày 30/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang và 30.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 8416905 ngày 28/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, hiện đã được chuyển đến tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi số 02/221221_1006751_2461002 lập ngày 21/12/2022), giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án phần hoàn trả cho các bị hại và các bị cáo Đào Trọng H1, Nguyễn Thị H; số tiền còn lại trả lại cho bị cáo Hoàng Lâm T, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

2.6. Số tiền 50.000.000 đồng do ông Đào Trọng T11 đã nộp cho bị cáo Đào Trọng H1 (theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 0000087 ngày 14/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang, hiện đã được chuyển đến tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi số 02/221221_1006751_2461002 lập ngày 21/12/2022), giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang để thi hành bản án phần hoàn trả cho các bị hại.

Khoản tiền phải trả, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.7 Tách phần dân sự, giành quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu khởi kiện của bị cáo Nguyễn Thị H hoặc bị cáo Đào Trọng H1 về khoản tiền chi phí chung trong thời gian sống chung, làm chung tại Công ty cổ phần Phát triển nhân lực Việt Phát chi nhánh Tuyên Quang.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu màu đỏ bằng nhựa, 01 con dấu màu xanh dương bằng nhựa đã được niêm phong trong 01 hộp giấy có chữ ký của Đào Trọng H1 do Công an thành phố Tuyên Quang niêm phong.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 15/12/2022).

Lưu theo hồ sơ vụ án các hợp đồng dịch vụ, pH1 thu, pH1 chi và các tài liệu, chứng cứ khác do các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan giao nộp trong quá trình điều tra.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 36.366.000 đồng *(Ba sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Đào Trọng H1 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 20.788.000 đồng *(Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Hoàng Lâm T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 17.150.000 đồng *(Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo; các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/3/2023; những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ; Người bào chữa;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hà Văn Chương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

Hà Văn Chương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Khắc Viện – Nguyễn Văn Sảo

Hà Văn Chương

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương

